TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮKMIL** **TỈNH ĐẮKNÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-ST
Ngày: 16/8/2023
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL - TỈNH ĐẮK NÔNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác và bà Hoàng Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 43/2023/QĐST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị Tường V; sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Lệ H; sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Như P, sinh năm 1977; địa chỉ: TDP 2, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vi Thị L; sinh năm 1994; địa chỉ: 271/24 L, P. E, Tp. B, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Quỳnh T; sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ H; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; sinh năm 1972; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn Mai Thị Tường V, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Lệ H trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Ngày 01/10/2020 chị Mai Thị Tường V nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Như P quyền sử dụng đối với thửa đất 43, tờ bản đồ (Không rõ) diện tích (4.5m x 20m), có tứ cận cụ thể; đất tọa lạc lại TDP 4, thị trấn Đ, huyện Đ, giá 300.000.000 đồng, chị V đã giao đủ số tiền 300.000.000 đồng cho bị đơn (Thông qua bà H), sau khi chuyển nhượng bị đơn đã chỉ đất cho nguyên đơn nhưng do đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nên nguyên đơn chưa sử dụng, hai bên có làm giấy tay về việc nhận chuyển nhượng đất, bị đơn chịu trách nhiệm làm thủ tục cấp bìa cho nguyên đơn trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày 01/10/2020. Hết thời hạn theo thỏa thuận thì bị đơn thông báo cơ quan có thẩm quyền không thể làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn được vì lý do đất bị chồng lấn. Cuối năm 2022 nguyên đơn và bị đơn có thống nhất hủy hợp đồng và bị đơn cam kết trả lại tiền cho nguyên đơn nhưng đến nay bị đơn vẫn không trả. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 300.000.000 đồng đã nhận của nguyên đơn, đồng thời tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hai bên vô hiệu, nguyên đơn không yêu cầu bồi thường thiệt hại do hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Chị V không yêu cầu ông T liên đới trả lại số tiền 300.000.000 đồng cho chị V.

Theo lời khai của bị đơn bà Trần Thị Như P và người đại diên theo ủy quyền của bị đơn bà Vi Thị L trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Bị đơn thừa nhận ngày 01/10/2020 có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nguyên đơn, thửa đất có đặc điểm như nguyên đơn trình bày và chứng cứ nguyên đơn cung cấp, chưa giao đất cho nguyên đơn sử dụng, giá thỏa thuận 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, mục đích của việc bị đơn ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nguyên đơn là do trước đó bà H (Là mẹ của nguyên đơn) và bị đơn có làm ăn chung với nhau, bà H gặp khó khăn nên nhờ bà P ký giấy bán đất cho con của bà H để vợ chồng chị V yên tâm. Lý do ký đã nhận số tiền 300.000.000 đồng là do bà P nợ bà H 270.000.000 đồng nên thống nhất bán đất là để cấn trừ nợ (30.000.000 đồng là lãi), nhưng số nợ giữa bà P và bà H đã được giải quyết xong, không liên quan gì với nhau nữa. việc chuyển nhượng đất giữa bà P và chị V không liên quan đến khoản nợ của bà P đối với bà H. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn đồng ý tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không chấp nhận trả lại số tiền 300.000.000 đồng cho nguyên đơn vì bị đơn không nhận được số tiền 300.000.000 đồng từ nguyên đơn. Đối với nội dung ghi trong giấy sang nhượng: Đã nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng là do tin tưởng nên bà P mới ghi vào giấy sang nhượng đất đã nhận tiền chứ thực tế thì không có. Bị đơn cũng không thể biết được chị V đã đưa cho bà H 300.000.000 đồng để cấn trừ nợ cho bà P hay chưa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày:

Bà H xác nhận lời trình bày của nguyên đơn, việc nhận chuyển nhượng quyền

sử dụng đất giữa nguyên đơn với bị đơn có sự thống nhất của bà H. Lý do trước đây bà H cho vợ chồng bà P vay số tiền 800.000.000 đồng, đã trả nhiều lần được 500.000.000 đồng, nợ lại 300.000.000 đồng. Năm 2020 bà P chuyển nhượng đất cho người khác tại Đắk Song, bà H thông báo sẽ ngăn chặn nên bà P, ông T thương lượng với bà H chuyển nhượng thửa đất tại TDP 4, TT Đắk Mil cho bà H với giá 300.000.000 đồng để trừ nợ. Do bà H khó khăn, cần tiền để trả nợ cho người khác nên đã giới thiệu cho chị V mua, sau đó chị V đồng ý mua với số tiền 300.000.000 đồng để bà P lấy số tiền đó trả nợ cho bà H. Bà H cũng xác nhận chị V không giao số tiền 300.000.000 đồng trực tiếp cho bà P mà giao cho bà H là thay cho bà P trả nợ cho bà H. Sau khi ký giấy bán đất cho chị V thì khoản nợ giữa bà H với bà P đã được giải quyết xong, bà P không còn nợ bà H. Toàn bộ lời khai của bị đơn về việc bà P và bà H làm ăn chung, bà H nhờ bà P ký giấy bán đất để chị V yên tâm, khoản nợ giữa bà H và bà P đã được giải quyết xong trước đó đều không có căn cứ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Quỳnh T trình bày:

Ông T là chồng của bà P, ông T xác nhận có ký vào "Giấy bán đất" do bà Trần Thị Như P viết cho chị Mai Thị Tường V nhưng đất chuyển nhượng có nguồn gốc của bố mẹ bà P tặng cho bà P chứ không phải tài sản chung của vợ chồng. Đối với số tiền 300.000.000 đồng bà P ký nhận nhưng thực tế không có nhận tiền nên ông T cũng không có sử dụng chung khoản tiền này. Đối với việc làm ăn chung và bà P nợ tiền bà H như thế nào ông T không biết. Việc khởi kiện của chị V đối với bà P không liên quan đến nghĩa vụ của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự; về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời gian mở phiên tòa không vi phạm quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự; thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu không vi phạm quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 91, Điều 121; Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165; khoản 2 Điều 244, Điều 246 của Bộ luật

tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 123, Điều 129; Điều 131, Điều 357, Điều 468, Điều 501, Điều 502 của Bộ luật dân sự; Điều 188 của Luật đất đai; khoản 2 Điều 26, khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1 Tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/10/2020 được ký kết giữa chị Mai Thị Tường V và bà Trần Thị Như P.

1.2 Buộc bà Trần Thị Như P phải trả lại cho chị Mai Thị Tường V số tiền 300.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Buộc bà Trần Thị Như P phải chịu số tiền 5.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Buộc bà Trần Thị Như P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Mai Thị Tường V khởi kiện yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, buộc bị đơn trả lại số tiền 300.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật *"Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"* là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Bị đơn bà Trần Thị Như P cư trú tại TDP 2, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/10/2020 có chữ ký của nguyên đơn, bị đơn. Trình bày của đương sự và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp và kết quả đo đạc, diện tích thực tế của thửa đất là 75 m2 (theo giấy chuyển nhượng 4.5m x 20 m = 90 m^2), đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai; tứ cận: phía Đông giáp đất ông Q, Tây giáp đường bê tông, Nam giáp đất ông T, Bắc giấp đất ông H, bà M; thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ: TĐ -2023, tọa lạc tại TDP 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, do đó việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên là có thật. Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuy nhiên hình thức chưa lập T văn bản được công chứng, chứng thực và nội dung vi

phạm điều cấm của luật, trái với quy định tại các Điều 117, 122, 123, 129 của Bộ luật dân sự và Điều 188 của Luật đất đai nên vô hiệu. Bị đơn cũng chấp nhận tuyên vô hiệu hợp đồng nên HĐXX chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại số tiền 300.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Các đương sự đều thừa nhận có sự việc bà P ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đối với thửa đất số 43 (Kết quả đo đạc là thửa đất số 01, diện tích 75 m2, tờ bản đồ: TĐ -2023, tọa lạc tại TDP 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông) cho chị V với giá 300.000.000 đồng nhưng chị V không giao số tiền 300.000.000 đồng cho bà P.

Bị đơn xác nhận có nợ bà H 270.000.000 đồng nhưng đã thanh toán xong trước đó, việc chuyển nhượng đất giữa bà P và chị V không liên quan đến khoản nợ của bà P đối với bà H, tuy nhiên bà P không đưa ra được chứng cứ để chứng minh là đã trả nợ cho bà H. Nếu không có sự thống nhất giữa bà H, bà P và chị V về nội dung chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá 300.000.000 đồng để lấy tiền trả nợ cho bà H thì bà P không viết giấy bán đất và nhận tiền như chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp. Chị V không giao tiền trực tiếp cho bà P nhưng đã thay mặt bà P trả số tiền 300.000.000 đồng cho bà H, được bà H xác nhận nên được coi như chị V đã thanh toán toàn bộ tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà P. Bị đơn khai không chắc chị V đã giao tiền cho bà H thay cho bà P chưa là không cần thiết vì bà H xác nhận đã nhận đủ tiền từ chị V và bà P không còn nợ tiền bà H nữa. Bị đơn cho rằng do không nhận tiền của chị V nên không chấp nhận trả lại tiền là không có căn cứ được chấp nhận.

Nguyên đơn cho rằng, trước đây bà H cho bà P vay số tiền 800.000.000 đồng, đã trả 500.000.000 đồng, còn nợ 300.000.000 đồng. Năm 2020 bà P thương lượng sẽ chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho bà H với giá 300.000.000 đồng để trừ nợ. Tuy nhiên bà H không đủ điều kiện nhận chuyển nhượng nên giới thiệu cho chị V và chị V đồng ý nhận chuyển nhượng với giá 300.000.000 đồng để bà P lấy số tiền đó trả nợ cho bà H. Bà H xác nhận đã nhận đủ số tiền của chị V, giữa bà H và bà P không còn liên quan gì về tiền nợ với nhau nữa. trình bày của chị V và bà H là phù hợp với chứng cứ chị V đã cung cấp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do giao dịch dân sự vô hiệu nên không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập; khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Các đương sự xác nhận bị đơn vẫn đang quản lý, sử dụng đất nên vấn đề giao trả đất không đặt ra, bị đơn đã nhận của nguyên đơn 300.000.000 đồng thông qua việc nguyên đơn thay mặt bị đơn trả nợ cho bà H nên cần buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 131 của Bộ luật dân sự.

Điều 131 của Bộ luật dân sự quy định: Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu

1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập.

2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Các đương sự không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Quỳnh T mặc dù có ký vào giấy bán đất nhưng không có nội dung ông T chuyển nhượng đất và nhận tiền của chị V. Các đương sự xác nhận tài sản chuyển nhượng là riêng của bà P do có nguồn gốc được bố mẹ tặng cho. Việc nợ tiền giữa bà P và bà H cũng không liên quan ông T nên không có căn cứ buộc ông T cùng bà P trả tiền cho chị V.

Đối với anh Hồ Sỹ T là chồng của chị V xác nhận số tiền 300.000.000 đồng đã giao cho bà H để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tiền riêng của chị V, anh T không có yêu cầu trả lại nên HĐXX chấp nhận.

Bà P không có yêu cầu phản tố, bà H không có yêu cầu độc lập về hợp đồng vay tài sản nên HĐXX không giải quyết, các đương sự có quyền khởi kiện trong một vụ án dân sự khác.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 5.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 5.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm gồm 300.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch và 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 91, Điều 121; Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165; khoản 2 Điều 244, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 123, Điều 129; Điều 131, Điều 357, Điều 468, Điều 501, Điều 502 của Bộ luật dân sự; Điều 188 của Luật đất đai; khoản 2 Điều 26, khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Tường V.

1.1 Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa chị Mai Thị Tường V và bà Trần Thị Như P ngày 01/10/2020 là vô hiệu.

1.2 Buộc bà Trần Thị Như P trả lại cho chị Mai Thị Tường V số tiền 300.0000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng).*

1.3 Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bà Trần Thị Như P trả lại cho chị Mai Thị Tường V số tiền 5.000.0000 đồng *(Năm triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Như P phải chịu 15.300.000 đồng *(Mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị Mai Thị Tường V số tiền 7.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007124 ngày 24/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Trúc Linh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA